

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

VOSA CORPORATION



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

NĂM 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 116.500.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 116.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 8) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 8) 54161823 – 54161824.
- Website: <http://www.vosa.com.vn> – <http://www.vosagroup.com>
- Mã cổ phiếu: VOSA

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989, Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993, Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005, Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006, Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006, Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày này. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 06 (ngày 13/12/2013), với mã số doanh nghiệp: 0300437898.
- Các sự kiện khác:
 - + Ngày 01/02/2007: Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.

- + Ngày 13/03/2007: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).
- + Ngày 30/06/2011: Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.
- + Ngày 21/02/2012: Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.
- + Ngày 13/03/2012: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).
- + Ngày 10/09/2013: VOSA và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., ký Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (YLTV). Công ty YLTV chính thức hoạt động từ 17/01/2014.
- + Ngày 31/03/2014: VOSA chuyển nhượng 50% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) cho đối tác Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.,
- + Ngày 01/10/2014: Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 “đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.
- + Ngày 15/01/2015: Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2014 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

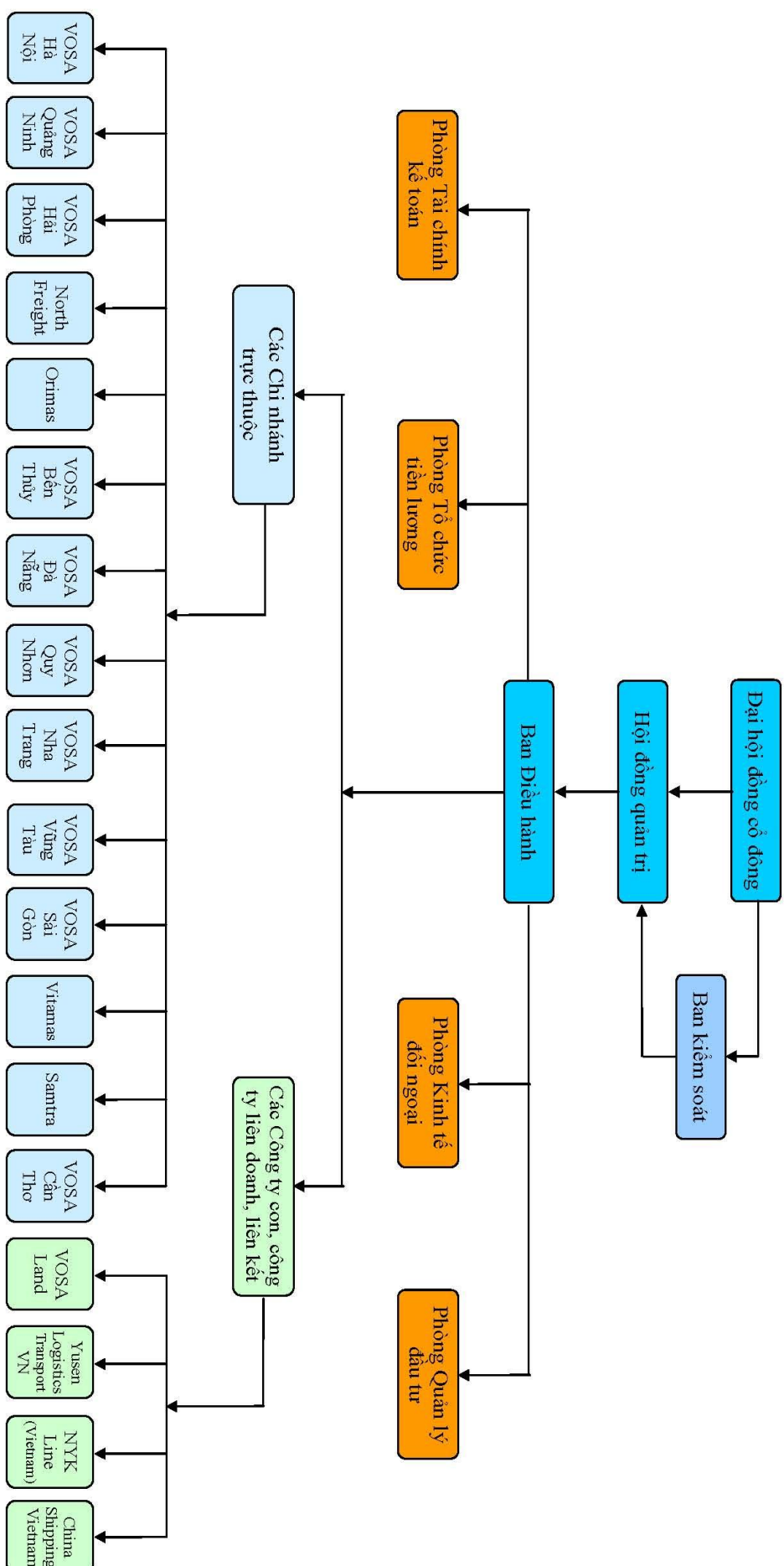
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).
 - + Vận tải đa phương thức quốc tế.
 - + Kinh doanh kho bãi.
- Địa bàn kinh doanh:
 - + Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cần Thơ, trong đó địa bàn kinh doanh chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng chức năng, các Chi nhánh trực thuộc, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - + Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 19/11/2013.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND)	7 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty con	Kinh doanh bất động sản. Xây dựng nhà các loại	51.500.000.000	51,5
2	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51
3	Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng (Saigon Riverside Office Center lầu 6), P.BT, Q.1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển	196.000 USD	49
4	Công ty TNHH China Shipping (Việt Nam)	37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển	200.000 USD	40

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	01
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

5. Định hướng phát triển:**- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển nhanh và bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ logistics đại lý vận tải, kho bãi và giao nhận; vận tải đa phương thức; khai thác cảng và thương mại xuất nhập khẩu.

+ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực, thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

- + Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.
- + Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- + Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan; Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuỗi dịch vụ logistics như đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ hậu cần trọn gói cho khách hàng; tiếp tục đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Liên doanh, liên kết để khai thác tiềm năng nhà đất sẵn có của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

6. Các rủi ro:

- Năm 2015 tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và có nhiều biến động bất thường. Tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định vì vậy thị trường vận tải nói chung và dịch vụ hàng hải và logistics nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ vào năm 2014, nên các công ty dịch vụ logistics lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt. Tháng 03/2015, VOSA đã bán toàn bộ 51% phần vốn góp của mình tại liên doanh - Công ty TNHH NYK Line Việt Nam cho đối tác NYK Line Nhật Bản. Vì vậy lợi nhuận của Công ty trong lĩnh vực đầu tư tài chính trong năm 2015 sẽ sụt giảm v.v. Sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; chính sách xuất nhập khẩu tiểu ngạch với Trung Quốc thay đổi, làm tăng chi phí doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD mà Công ty đặt ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2014, nền kinh tế toàn cầu tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm hơn dự báo và chưa có dấu hiệu khởi sắc, ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải cũng không ngoại lệ. Trong nước, ngành hàng hải và dịch vụ logistics tiếp tục mở cửa theo lộ trình cam kết WTO. Do sức cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp nội địa nên các tập đoàn hàng hải quốc tế nắm giữ thị phần chi phối nên khi phát sinh thua lỗ do giá cước thấp và giá nhiên liệu tăng cao thì tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp nội địa làm đại lý.

- Kết quả SXKD năm 2014 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2013	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2013
Doanh thu	800.000	843.121	804.000	105 %	104,9 %
Tổng LNTT	54.000	61.046	42.100	113 %	145,0 %

- Chỉ tiêu Doanh thu của Công ty năm 2014 tăng so với năm 2013 là do các nguyên nhân chính sau:

- + Doanh thu đại lý liner Namsung Shipping & Sinolines tăng 20%.
- + Doanh thu từ hoạt động kho ngoại quan, hoạt động kiểm đếm và Đại lý tàu truyền thống cũng có sự tăng trưởng đáng kể nên đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu so với năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số CMND Ngày cấp Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014	024257713 19/06/2012 TP. HCM	42 Lô M, KDC Phú Mỹ, Tổ 5, KP 1, P. Phú Mỹ, Q. 7, TP. HCM	2.300	0.02
2	Hoàng Hoa Phòng	01/01/1958	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	030740517 07/01/2014 Hải Phòng	5A Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	2.600	0.02
3	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	100595080 12/03/2007 Quảng Ninh	Bach Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	900	0.01
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	06/08/2012	024280581 17/06/2004 TP. HCM	369/11 Nguyễn Thái Bình, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	1.200	0.01

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Công ty đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế tiền lương, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, có chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

+ Công ty đang tiếp tục xây dựng phương án phát triển nguồn nhân lực cho các kế hoạch trung và dài hạn. Tiếp tục xây dựng Quy chế tiền lương mới và dự kiến áp dụng trong năm 2015 nhằm tạo sự công bằng và linh hoạt hơn để ổn định đời sống của CBCNV, đồng thời có thể tuyển

dụng, đào tạo được các nhân sự có trình độ chuyên môn cao để kế thừa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên viên của công ty và các chi nhánh.

- + Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 698 người.
- + Thu nhập bình quân năm 2014: 12.354.193 đồng/người/tháng.
- + Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty trong năm 2014: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể.
- + Công ty đã thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư liên doanh, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị:

3.1 - Các khoản đầu tư xây dựng lớn:

3.1.1 - Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn:

Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA đang tiến hành các thủ tục về đất. Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TP. HCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất của Cục thuế Thành phố với số tiền 86.126.564.320 đồng. Công ty đã xin điều chỉnh quy mô dự án còn 10 tầng và đã được chấp thuận của UBND thành phố tại quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 28/07/2014 với giá mới là 57.811.968.000 đồng (chưa trừ tiền đền bù giải tỏa). Sau khi khấu trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư Công ty đã chi, số tiền còn phải nộp là 38.891.899.212 đồng theo thông báo số 13373/TB-CT-KTTĐ ngày 11/12/2014 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã nộp đầy đủ số tiền nêu trên và các khoản thu khác để hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với khu đất số 1 Bến Vân Đồn. Hiện nay Công ty đã liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố để hoàn thành việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.1.2 - Dự án văn phòng Vitamas:

Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TP. HCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với số tiền 5.625.973.920 đồng và nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 06/2013. Dự án đã có giấy phép xây dựng 7 tầng. Dự án đầu tư đã được phê duyệt với giá trị 26.790.521.000 đồng, hiện nay dự án hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công đang trình HĐQT phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Dự án dự kiến đấu thầu và triển khai thi công trong quý 2 năm 2015.

3.1.3 - Dự án mua sàn nhà văn phòng tòa nhà Petroland:

VOSA đã hoàn tất việc mua 1 phần tầng 5 tòa nhà Petroland Tower với diện tích 642 m² với tổng giá trị 18.618.000.000 đồng. Phần nội thất cơ bản đã hoàn thành và Văn phòng VOSA đã chuyển về sử dụng từ tháng 01/2014. Dự án đã nghiệm thu bàn giao và đang lập hồ sơ quyết toán.

3.1.4 - Dự án nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C:

Dự án nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C với quy mô xây dựng 151m x 26.7m = 4031.7m². Dự án đã được phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật với tổng kinh phí 14.392.472.000 đồng vào tháng 09/2014. Dự án đã đấu thầu và khởi công xây dựng trong tháng 01/2015 và dự kiến hoàn thành tháng 07/2015.

3.1.5 - Dự án sửa chữa văn phòng VOSA Quảng Ninh (Queen Hotel):

Dự án chuyển đổi công năng sử dụng từ tòa nhà hỗn hợp văn phòng và khách sạn trước đây của VOSA Quảng Ninh sang kinh doanh khách sạn - Hỗ trợ một phần diện tích cho Trung

tâm du lịch lữ hành của VOSA Quảng Ninh. Tổng diện tích cải tạo 866m² bao gồm 1 trệt và 6 tầng lầu với tổng kinh phí đã phê duyệt 2.187.190.000 đồng. Dự án đã hoàn thành việc sửa chữa, đang trình hồ sơ quyết toán.

3.1.6 - Các dự án đã hoàn thành đang chờ quyết toán:

Dự án nhà kho thức ăn chăn nuôi Bunge – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt: 45.109.000.000 đồng). Hội đồng xét duyệt Dự án hoàn thành đang khẩn trương hoàn tất thủ tục để quyết toán trong quý 2 năm 2015.

3.2 - Tình hình thực hiện các dự án khác: không có.

3.3 - Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:

3.3.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

Là công ty liên doanh giữa VOSA và Yusen Logistics Singapore, được thành lập từ năm 2006, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics toàn cầu, công tác sản xuất kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng bởi biến động kinh tế thế giới, phục vụ chủ yếu các khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Doanh thu và lợi nhuận của công ty luôn có mức tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, theo cam kết WTO thì phía đối tác nước ngoài đã tiến hành mua lại 50% vốn góp của VOSA trong liên doanh này kể từ ngày 31/03/2014. Tiền lợi nhuận thu từ chuyển nhượng vốn là 300.000 USD.

Tỷ lệ vốn góp của VOSA sau khi chuyển nhượng chỉ còn 1% (4.000 USD) và VOSA chỉ nhận một phần lợi nhuận cố định cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

3.3.2 - Công ty NYK Line Việt Nam:

Là công ty liên doanh giữa VOSA và NYK Line, được thành lập từ tháng 10/2006 với thời hạn là 10 năm.

Trong năm qua, các hãng tàu container vẫn còn nhiều khó khăn nhưng sản lượng của NYK Line Việt Nam vẫn tăng 15% so với năm trước.

- Kết quả kinh doanh năm 2014:

+ Doanh thu: 62.313.118.120 đồng.

+ Lãi sau thuế: 16.306.686.323 đồng.

- Từ ngày 01/04/2015, VOSA đã chuyển nhượng toàn bộ 49% số vốn góp tại công ty liên doanh này cho phía đối tác NYK Line Nhật Bản.

3.3.3 - Công ty TNHH China Shipping Việt Nam:

Là công ty liên doanh giữa VOSA và hãng tàu China Shipping Group, được thành lập từ năm 2004. Hiện nay, tỷ lệ vốn góp của VOSA trong công ty này là 40%.

Công ty luôn hoàn thành các chỉ tiêu của hãng tàu và hoạt động ổn định dù bị ảnh hưởng nhiều bởi tình hình khó khăn trong lĩnh vực vận tải.

- Kết quả kinh doanh năm 2014:

+ Doanh thu: 51.759.222.000 đồng.

+ Lãi sau thuế: 9.357.236.000 đồng.

3.3.4 - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam):

Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (USD 51,000.00). Công ty có năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31/03/2015.

- Kết quả kinh doanh năm 2014 từ ngày 01/04/2014 - 31/12/2014 như sau:
- + Doanh thu: 271.977.216.059 đồng.
- + Lợi nhuận: 1.117.729.744 đồng.

3.3.5 - Công ty Cổ phần Bất Động sản VOSA Land:

Công ty cùng với VOSA đang làm thủ tục cấp lại Giấy CNQSDĐ (hình thức giao đất 50 năm) và sau đó sẽ tiến hành các bước tiếp theo để thực hiện dự án nhà văn phòng tại số 01 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. HCM.

Mối liên hệ: Công ty con.

Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại.

- Tình hình tài chính: kết quả kinh doanh năm 2014

+ Doanh thu: 229.090.908 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: (1.275.199.746) đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	486.318.803.719	647.875.507.714	33,2%
Doanh thu thuần	804.350.560.337	843.121.917.651	4,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.357.682.763	38.378.916.605	35,3%
Lợi nhuận khác	3.124.547.292	11.203.749.652	258,6%
Lợi nhuận trước thuế	42.127.294.205	61.046.876.440	44,9%
Lợi nhuận sau thuế	35.399.320.585	51.038.725.577	44,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	15%	50%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,177	1,249	Hàng tồn kho hầu như không có
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,177	1,249	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,512	0,512	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,062	1,232	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	74.794	75.009	

Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,654	1,301	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,044	0,061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,151	0,189	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,073	0,079	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,035	0,046	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2014):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 11.650.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).
- + Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 5.005.935 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 6.644.065 cổ phần (đây là số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, BKS, cổ đông Nhà nước và cổ đông khác cầm cố).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (05 cổ đông)	7.487.465	64,27
2	Cổ đông cá nhân (836 cổ đông)	4.162.535	35,73
	Cộng 1 + 2	11.650.000	100,00
3	Cổ đông lớn (03 cổ đông)	7.436.938	63,83
4	Cổ đông nhỏ (838 cổ đông)	4.213.062	36,17
	Cộng 3 + 4	11.650.000	100,00
5	Cổ đông trong nước (836 cổ đông)	11.320.300	97,17
6	Cổ đông nước ngoài (05 cổ đông)	329.700	2,83
	Cộng 5 + 6	11.650.000	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	5.947.800	51,05
8	Cổ đông khác	5.702.200	48,95
	Cộng 7 + 8	11.650.000	100,00
	841 cổ đông tổ chức và cá nhân	11.650.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2014 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2014:

+ Doanh thu: 750.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 54.000.000.000 đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được kiểm toán :

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	800.000	843.121	105
2	Lợi nhuận trước thuế	54.000	61.046	113

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty có mức tăng trưởng ổn định kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới nay nhưng trước những nhận định, đánh giá về nền kinh tế của năm 2015 và dự tính cho hoạt động của công ty trong năm 2015 nên Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2015 chỉ xấp xỉ bằng kết quả thực hiện năm 2014.

- Trên thực tế, dù doanh thu tăng cao so với kế hoạch do một số thân chủ đại lý vận tải dù đã chấm dứt hợp đồng đại lý nhưng tiếp tục ủy thác một số công việc nên doanh thu tuy cao nhưng lợi nhuận thực tế không bằng những năm trước. Mặt khác, do công ty làm dịch vụ trọn gói cho một số lô hàng nên doanh thu cũng tăng lên vì trong doanh thu bao gồm cước vận tải.

- Doanh thu có tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính không tăng do chi phí đầu vào ngày một tăng cao do biến động về giá xăng dầu và chi phí nhân công tăng trong khi giá dịch vụ không tăng tương ứng.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.

+ Tăng cường những dịch vụ gia tăng để tăng chất lượng dịch vụ.

+ Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014
1	Tổng tài sản	486.318.803.719	647.875.507.714
2	Tổng nợ phải trả	249.164.227.369	331.824.848.111

3	Vốn chủ sở hữu	234.727.510.421	269.417.824.780
4	Tổng doanh thu	804.350.560.337	843.121.917.651
5	Lợi nhuận trước thuế	42.127.294.205	61.046.876.440
6	Lợi nhuận sau thuế	35.399.320.585	51.038.725.577

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.809.222.793	38.015.819	39.906.984.037	4.839.936.067	98.594.158.716
Tăng trong năm	18.928.288.379		6.201.721.819	137.950.909	25.267.961.107
Giảm trong năm			(2.517.906.552)	(30.070.935)	(2.547.977.487)
Số cuối năm	72.737.511.172	38.015.819	43.590.799.304	4.947.816.041	121.314.142.336
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	33.089.714.206	38.015.819	25.564.338.396	3.160.158.538	61.852.226.959
Khấu hao trong năm	3.858.810.457		3.549.150.707	623.141.504	8.031.102.668
Giảm trong năm			(2.382.452.006)	(30.070.935)	(2.412.522.941)
Số cuối năm	36.948.524.663	38.015.819	26.731.037.097	3.753.229.107	67.470.806.686
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	20.719.508.587		14.342.645.641	1.679.777.529	36.741.931.757
Số cuối năm	35.788.986.509		16.859.762.207	1.194.586.934	53.843.335.650

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.261.211.528	1.984.579.300	22.245.790.828
Tăng trong năm	85.444.000		85.444.000
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Giá trị hao mòn			

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số đầu năm	462.959.564	1.048.472.983	1.511.432.547
Khấu hao trong năm	225.127.585	625.959.775	851.087.360
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	688.087.149	1.674.432.758	2.362.519.907
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.798.251.964	936.106.317	20.734.358.281
Số cuối năm	19.658.568.379	310.146.542	19.968.714.921

a.3) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	18.618.000.000	1.263.381.818	(19.881.381.818)		
XDCB dở dang	33.720.982.321	42.479.627.297	(395.732.379)	(20.000.000)	75.784.877.239
Cộng	52.338.982.321	43.743.009.115	(20.277.114.197)	(20.000.000)	75.784.877.239

a.4) Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	79.412.091.656
Tăng trong năm	
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	
Số cuối năm (*)	79.412.091.656
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	19.472.026.779
Khấu hao trong năm	4.315.517.136
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	
Số cuối năm	23.787.543.915
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	59.940.064.877
Số cuối năm	55.624.547.741

- Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	10.888.465.426	11.402.057.426

	Năm nay	Năm trước
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.412.479.395	4.400.040.987
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
D.thu/ Tổng tài sản BQ	1,66	1,49
D.thu/ Tài sản dài hạn BQ	4,06	3,68
DT/ Ng.giá TSCĐ BQ	6,79	6,38
LNST/ Tổng tài sản BQ	0,07	0,09
LNST/ Tài sản dài hạn BQ	0,18	0,22
LNST /Ng.giá TSCĐ BQ	0,30	0,39

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	949.359.670	2.901.364.794
Trích lập dự phòng bổ sung	1.952.005.124	5.543.925.952
Hoàn nhập dự phòng		
Xử lý xóa nợ		
Số cuối năm dự phòng phải thu	2.901.364.794	8.445.290.746
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	4,63%	9,08%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	4,03%	7,81%

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại: Công ty có nợ vay của một cá nhân 05 tỷ đồng để thế chân trong ngân hàng phục vụ việc làm hàng tạm nhập tái xuất. Khoản nợ vay người lao động trong năm 2012 đã được trả hết.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Nợ phải trả, trong đó:	249.164.227.369	331.824.848.111
Nợ ngắn hạn	237.650.198.617	317.354.877.961
Nợ dài hạn	11.514.028.752	14.469.970.150
Vốn chủ sở hữu	234.727.510.421	269.417.824.780
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,177	1,249
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,177	1,249
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	1,06	1,23
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,05

- Công ty không có nợ phải trả không thể thanh toán.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	2.368.858.110	3.253.809.594
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.123.279.996	3.253.809.594
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.578.114	
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	968.414.779	4.372.573.110
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	968.414.779	558.385.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3.814.187.266
(A) – (B)	1.400.443.331	(1.118.763.516)
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	3,32%	(1,83%)

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Chi phí lãi vay	0	0
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0	0

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Phần mềm quản trị Lemon3 - ERP đã được đưa vào sử dụng từ ngày 01/07/2012 và đang trong quá trình ứng dụng, hoàn thiện. Việc sử dụng phần mềm hiện nay đã có những hiệu quả nhất định, giúp cho công tác tài chính kế toán, tổ chức nhân sự và công tác quản trị được tốt hơn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Về quản trị công ty:

– Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

– Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

– Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trọng yếu trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ, chuẩn bị cho việc niêm yết cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch chứng khoán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Xây dựng VOSA thành một công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển truyền thống, đại lý vận tải và logistics, thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức, khai thác cảng trong tương lai.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.
- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.
- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

4.1 - Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2015:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	KH 2015	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	116.500.000.000	116.500.000.000	
2	Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh	843.121.917.651	850.000.000.000	100,8
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	61.046.876.440	56.500.000.000	92,6
4	Lợi nhuận sau thuế	51.038.725.577	47.000.000.000	92,1
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4.381	4.034	
6	Cổ tức (%)	15%	12%	

4.2 - Kế hoạch đầu tư năm 2015:

4.2.1 - Các dự án xây dựng đang thực hiện các năm chuyển sang năm 2015:

a) Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn:

Công ty hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với khu đất số 1 Bến Vân Đồn. Hiện nay Công ty đã liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố để hoàn thành việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục chuyển cho VOSALAND lập dự án, huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện dự án.

b) Dự án văn phòng VITAMAS:

Dự án đã có giấy phép xây dựng 07 tầng. Dự án đầu tư đã được phê duyệt với giá trị 26.790.521.000 đồng, hiện nay dự án hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công đang trình HĐQT phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Dự án dự kiến đấu thầu và triển khai thi công trong quý 03 năm 2015.

c) Dự án nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C:

Dự án đã đấu thầu và khởi công xây dựng trong tháng 01/2015 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 08/2015.

4.2.2 - Các dự án xây dựng mới năm 2014: không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2014 là năm có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa

xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 4.381 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính thực hiện tương đối chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp hiệu quả để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2014.

3. Các giải pháp pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2015 của Hội đồng quản trị:

- Năm 2015, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã có sự phục hồi, tuy vậy còn nhiều khó khăn, thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2015 như sau:

- + Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA, tăng cường công tác tiếp thị với các chủ tàu, chủ hàng, các công ty đại lý vận tải và cung cấp dịch vụ logistics trong và ngoài nước duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như:

đại lý tàu, đại lý vận tải, dịch vụ liner, phát triển chuỗi dịch vụ logistics trong đại lý vận tải, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v. trên cơ sở chiến lược chung và định hướng của Tổng Công ty, phát huy lợi thế kinh doanh của từng chi nhánh cũng như phát huy triệt để mạng lưới hoạt động dịch vụ.

- + Phân đầu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước; bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2015.

- + Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất: Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện như xe, cầu, trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; tìm kiếm, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài để sử dụng tối ưu hệ thống cơ sở vật chất, kho bãi sẵn có, đầu tư mới theo yêu cầu của đối tác nếu mang lại hiệu quả nhanh.

- + Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phân đầu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý từ 5 - 7%.

- + Kien toan to chuc theo huong tap trung nang cao vai tro quan tri va dieu hanh cua Cong ty doi voi chi nhanh.

- + Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Khẩn trương hoàn thành Xây dựng hệ thống thang, bảng lương mới cũng như hoàn thiện Quy chế trả lương mới cho phù hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp.

- + Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014; Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

- + Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty đại chúng.

- + Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc đăng ký, lưu ký chứng khoán theo quy định; Thực hiện kế hoạch và các thủ tục và cần thiết để đưa Công ty lên niêm yết tại Sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2015.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT/HĐTV tại các Công ty khác
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	4
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	4
3	Hoàng Hoa Phòng	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	1
4	Trịnh Vũ Khoa	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
5	Nguyễn Thị Thanh Trang	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
6	Lê Anh Tuấn	UV HĐQT	6,58	Thành viên không điều hành	1
7	Nguyễn Hoài An	UV HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ/HĐQT-NK2	06/03/2014	1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 04/2013 (ngày 11/12/2013) và Nghị quyết số 01/2014/NQ/HĐQT-NK2-THYK của HĐQT v/v xin ý kiến bằng văn bản ngày 08/01/2014. 2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2013 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014, cụ thể như sau : 2.1. Kế hoạch SXKD năm 2014 : - Doanh thu: 650.000.000.000 đồng. - Tổng lợi nhuận trước thuế: 42.000.000.000 đồng. 3. Hội đồng quản trị thông qua các Tờ trình: 3.1. Tờ trình số 79/TT-TGĐ ngày 04/03/2014 của Tổng Giám đốc về việc Phê duyệt kết quả SXKD năm 2013 cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam. * Kết quả kinh doanh Hợp nhất: - Doanh thu: 835.634.890.923 đồng. - Tổng lợi nhuận trước thuế: 41.795.733.461 đồng. 3.2. Tờ trình số 80/TT-TGĐ ngày 04/03/2014 của Tổng Giám đốc về việc xây dựng Quỹ tiền lương năm 2013 của Chủ tịch HĐQT & Ban điều hành Công ty là 58 đồng/1.000 đồng lợi nhuận hợp nhất (100% thành viên HĐQT dự họp nhất trí tán thành). 3.3. Tờ trình số 52/TTTr-TGĐ ngày 19/02/2014 của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án mua sản văn phòng tại tòa nhà Petroland Tower (100% thành viên HĐQT dự họp nhất trí tán thành), chi tiết như sau :

			- Tên dự án: Dự án mua sàn văn phòng tại tòa nhà PETROLAND TOWER. - Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam. - Nội dung và quy mô dự án : Dự án mua mới 642 m² sàn tại tầng 5 tòa nhà Petroland Tower. - Địa điểm : số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM. - Diện tích sử dụng : 642 m². - Chi phí đầu tư được quyết toán : 18.618.000.000 đồng (bao gồm giá trị nhà văn phòng, kinh phí bảo trì 2% và giá trị quyền sử dụng đất). 4. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai.
2	02/2014/NQ/HĐQT-NK2	07/05/2014	1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 01/2014 (ngày 06/03/2014). 2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. 3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện hoạt động SXKD 04 tháng đầu năm 2014. 4. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai. 5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 142/ĐLHHVN ngày 22/04/2014 của Tổng Giám đốc v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình : tòa nhà văn phòng Vitamas với chi tiết cụ thể như sau: - Tên dự án: Tòa nhà văn phòng Vitamas. - Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam. - Địa điểm xây dựng: 44-46 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM. - Diện tích sử dụng đất: 148 m². - Diện tích xây dựng: 1.439 m². - Loại, cấp công trình: Công trình nhóm C. - Tổng mức đầu tư của dự án: 26.790.521.000 đồng. 6. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 vào ngày 04/06/2014 tại khách sạn Kim Đô, số 133 Nguyễn Huệ, Q. 1, TP. HCM. 7. Thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, gồm: 7.1. Báo cáo thường niên năm 2014. 7.2. Phân phối lợi nhuận năm 2013: căn cứ kết quả Lợi nhuận thực hiện năm 2013 đạt cao hơn kế hoạch, Hội đồng quản trị nhất trí trình Đại hội cổ đông thông qua mức chia cổ tức là 10% (tăng 2% so với Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013). 7.3. Kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014. 7.4. Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2014. 7.5. Đề xuất Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014. 8. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Nguyên Sáng – Phó Giám đốc phụ trách VOSA Nha Trang giữ chức vụ Giám đốc VOSA Nha Trang.
3	01/2014/NQ/HĐQT-NK3	04/06/2014	I. Bầu các chức danh: 1. Chủ tịch HĐQT: Nhất trí bầu ông Phạm Mạnh Cường làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Nhiệm kỳ III (2014 - 2019) 2. Phó Chủ tịch HĐQT: Nhất trí bầu ông Vũ Xuân Trung làm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Nhiệm kỳ III (2014 - 2019). 3. Tổng Giám đốc: Nhất trí bổ nhiệm ông Vũ Xuân Trung - Phó chủ tịch HĐQT làm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Nhiệm kỳ III (2014 - 2019). 4. Thư ký Công ty: Nhất trí chỉ định ông Trần Công Toàn làm Thư ký Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Nhiệm kỳ III (2014 - 2019) II. Phân công nhiệm vụ trong HĐQT: Trong khi chờ đợi ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - Nhiệm kỳ 3, trước mắt, Chủ tịch HĐQT tạm thời phân công một số nhiệm vụ chính như Phụ lục 1 đính kèm.

4	02/2014/NQ/HĐQT-NK3	15/08/2014	1. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 07 tháng đầu năm 2014. 2. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về công tác quy hoạch các bộ lãnh đạo, quản lý. 3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai. 4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 243/TT-TGD ngày 13/08/2014 của Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt chủ trương mua nhà số 25 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. 5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 238/ĐLHHVN ngày 06/08/2014 của Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: kho chứa hàng tổng hợp 1C, khu kho bãi Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh (đã được đơn vị tư vấn điều chỉnh theo ý kiến của các thành viên HĐQT và Trưởng BKS). - Tên dự án: Kho chứa hàng tổng hợp 1C. - Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam. - Tổ chức tư vấn lập báo cáo KTKT: Trung tâm quy hoạch và thiết kế kiến trúc TP. Hạ Long. - Tổ chức thẩm tra báo cáo KTKT: Công ty CP tư vấn thiết kế kiến trúc nội thất EKE. - Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh. - Diện tích xây dựng công trình: 4.031,7 m². - Tổng mức đầu tư của dự án: 14.514.943.000 đồng. - Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến 12 tháng. - Loại dự án: Dự án nhóm C. - Nguồn vốn: Vốn đầu tư của VOSA và vốn vay thương mại. 6. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 245/TT-TGD ngày 14/08/2014 của Tổng Giám đốc trình HĐQT v/v đề nghị ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB – HCM) cấp hạn mức bảo lãnh cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam với hạn mức là 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng) trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng với ngân hàng VCB - HCM. 7. Thông qua các công tác của HĐQT trong thời gian tới.
5	01/2014/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	08/01/2014	Hội đồng quản trị nhất trí bán phần vốn góp của VOSA trong Công ty Yussen Logistics Solution (Vietnam) cho Yusen Logistics (Singapore) Pte Ltd và nhận lợi tức cố định cho 01% vốn góp của VOSA còn lại trong Công ty Yussen Logistics Solution (Vietnam) Co., Ltd là 5.000 USD/năm.
6	02/2014/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	31/03/2014	1. Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt chủ trương xây dựng nhà kho chứa hàng tổng hợp – IC tại khu Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. 2. Giao cho Ban điều hành chỉ đạo VOSA Quảng Ninh tiến hành lập dự án đầu tư chi tiết, có đánh giá hiệu quả đầu tư trình HĐQT xem xét, phê duyệt.
7	03/2014/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	08/07/2014	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2013 của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, như sau: - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 10% mệnh giá (1.000 đồng/cổ phần). - Hình thức chi trả: bằng tiền mặt. - Thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức: 16h30 thứ Năm, ngày 31/07/2014. - Thời điểm chi trả cổ tức: từ thứ Sáu, ngày 15/08/2014.
8	04/2014/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	08/07/2014	Thông qua việc phân phối thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký năm 2014 của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, như sau: - Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng / tháng. - Phó chủ tịch HĐQT : 9 triệu đồng / tháng. - Thành viên HĐQT : 8 triệu đồng / tháng. - Thư ký HĐQT : 3 triệu đồng / tháng.

9	05/2014/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	06/10/2014	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C làm Công ty kiểm toán cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam năm 2014.
10	06/2014/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	07/10/2014	Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu xây dựng công trình: nhà kho chứa hàng tổng hợp IC tại khu kho bãi Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, với các nội dung như sau: I. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN: 244.046.550 đồng. II. PHẦN CÔNG VIỆC CHƯA THỰC HIỆN: 14.120.981.298 ĐỒNG 1. Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu: Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu có giá trị là 994.649.735 đồng. 2. Phần công việc phải lựa chọn nhà thầu. Phần công việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu có giá trị là 13.126.331.563 đồng. Giá gói thầu được xác định theo Quyết định số 161/QĐ-HĐQT ngày 06/09/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C. 3. Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay thương mại 4. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Căn cứ vào Điều 12 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Chủ đầu tư xác định các mốc thời gian: mời thầu, bán hồ sơ mời thầu, đóng thầu và xét thầu cho phù hợp với nội dung của kế hoạch đấu thầu. Điều 2: Tổ chức thực hiện. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định chỉ định các gói thầu số 1, 2, 3, 4, 5. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thành lập Tổ tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu gói thầu số 6 (xây lắp và thiết bị Nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C) để Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt theo quy định.
11	07/2014/NQ/HĐQT-NK3-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	14/11/2014	Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp công trình nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C tại khu kho bãi Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau: 1. Chỉ dẫn đối với nhà thầu: 2. Yêu cầu về xây lắp: 3. Yêu cầu về hợp đồng. * Nội dung chi tiết của các chỉ dẫn, yêu cầu thống nhất theo Hồ sơ mời thầu công trình: Nhà kho chứa hàng tổng hợp 1C do Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc Quảng Ninh lập tháng 10/2014 và được Công ty Cổ phần Tư vấn quy hoạch và kiến trúc xây dựng DDC thẩm định trong Báo cáo Thẩm định số 16/BCTD/DDC lập ngày 25/10/2014. Điều 2: Tổ chức thực hiện. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành các thủ tục tiếp theo đúng trình tự của Luật đấu thầu, báo cáo kết quả đấu thầu cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Giúp cho HĐQT trong quan hệ với các cổ đông lớn của VOSA, tư vấn nâng cao khả năng quản lý tài chính và công tác quản trị công ty.
- Góp ý kiến cho HĐQT trong công tác tư vấn đầu tư, các vấn đề liên quan đến công ty đại chúng.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Phạm Mạnh Cường.
- Ông Vũ Xuân Trung;

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	UV BKS	0,0086	
3	Lê Hoàng	UV BKS	0,0043	
4	Vũ Xuân Hưng	UV BKS	0,0009	
5	Đặng Thị Hồng Liên	UV BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (*Trưởng ban Kiểm soát có Báo cáo riêng*)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Tiền thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua ngày 04/06/2014.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.116.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BKS và BDH	646.911.672
	Cộng	1.762.911.672

Ghi chú: Tiền thưởng năm 2013 nhưng chi trong năm 2014.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 102/2010/TT-BTC, Điều lệ và các qui chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty:**

- Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính: do Công ty có các công ty liên doanh với Nhật Bản, các công ty này có niên độ tài chính kết thúc vào 31/03 hàng năm, nên Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất còn chậm, chưa đúng 90 ngày theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC. Vì vậy việc công bố thông tin về Báo cáo này chưa kịp thời. Hàng năm Công ty có công văn giải trình với UBCK và cổ đông về vấn đề này.

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông chưa đúng thời hạn quy định: Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc:

+ Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và Tổng Giám đốc để thuận lợi cho công tác điều hành kinh doanh hàng ngày.

+ Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, trong năm 2015, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục xây dựng Quy chế quản trị nội bộ và các quy định về trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và Tổng Giám đốc điều hành.

VII. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Số: 0449/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2015, từ trang 09 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited và Công ty TNHH Manuchar Việt Nam. Hiện tại, các công ty này đang khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán các khoản nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 cùng lãi phát sinh. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này vẫn chưa có phán quyết cuối cùng về các vụ kiện nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 15 tháng 4 năm 2014. Các ngoại trừ liên quan đến các vấn đề sau:

- Số dư đầu năm 2013 của các khoản mục bao gồm người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và khoản vay dài hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền lần lượt là 8.122.483.829 VND, 34.643.960.756 VND và 3.078.906.000 VND do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp.
- Số dư của các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và khoản vay dài hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền lần lượt là 26.977.478.756 VND và 3.078.906.000 VND do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1539-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		396,345,192,798	279,679,750,892
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	216,246,123,176	143,214,734,424
1. Tiền	111		156,142,123,176	83,291,034,424
2. Các khoản tương đương tiền	112		60,104,000,000	59,923,700,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25,000,000,000	3,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	25,000,000,000	3,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127,414,165,518	115,775,229,401
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	119,968,949,280	98,008,551,933
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,035,952,126	2,205,528,661
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14,854,554,858	18,462,513,601
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8,445,290,746)	(2,901,364,794)
IV. Hàng tồn kho	140		5,791,500	14,148,600
1. Hàng tồn kho	141		5,791,500	14,148,600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27,679,112,604	17,675,638,467
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	4,923,373,606	1,403,752,196
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,367,383,174	6,731,729,632
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	243,906,698	59,310,479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	14,144,449,126	9,480,846,160

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		251,530,314,916	206,639,052,827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		149,596,927,810	109,815,272,359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53,843,335,650	36,741,931,757
<i>Nguyên giá</i>	222		121,314,142,336	98,594,158,716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67,470,806,686)	(61,852,226,959)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19,968,714,921	20,734,358,281
<i>Nguyên giá</i>	228		22,331,234,828	22,245,790,828
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,362,519,907)	(1,511,432,547)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	75,784,877,239	52,338,982,321
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	55,624,547,741	59,940,064,877
<i>Nguyên giá</i>	241		79,412,091,656	79,412,091,656
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(23,787,543,915)	(19,472,026,779)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41,312,764,898	33,353,791,111
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	3,281,370,000	3,281,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	20,826,812,356	19,591,543,822
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	18,585,694,230	13,705,997,607
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(1,381,111,688)	(3,225,120,318)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,996,074,467	3,529,924,480
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	4,322,952,197	2,249,091,178
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	-	461,002,158
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	673,122,270	819,831,144
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		647,875,507,714	486,318,803,719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300			331,824,848,111	249,164,227,369
I. Nợ ngắn hạn	310			317,354,877,961	237,650,198,617
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.22		104,457,790,709	73,383,377,976
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23		19,799,288,560	6,520,458,257
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24		39,065,172,666	10,852,692,453
5. Phải trả người lao động	315	V.25		45,351,058,062	33,985,774,522
6. Chi phí phải trả	316	V.26		11,228,469,544	8,909,295,494
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27		89,773,707,408	94,801,734,783
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28		7,679,391,012	9,196,865,132
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-	-
II. Nợ dài hạn	330			14,469,970,150	11,514,028,752
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29		658,770,150	3,435,122,752
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30		13,811,200,000	8,078,906,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			269,417,824,780	234,727,510,421
I. Vốn chủ sở hữu	410			269,417,824,780	234,727,510,421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31		116,500,000,000	116,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31		44,319,646,613	37,288,898,119
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31		12,078,008,426	10,320,321,302
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31		12,311,461,686	10,418,416,972
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31		84,208,708,055	60,199,874,028
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
1. Nguồn kinh phí	432			-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32		46,632,834,823	2,427,065,929
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			647,875,507,714	486,318,803,719
				-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,287,962,574	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		3,295,728.72	3,083,656.92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2015

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

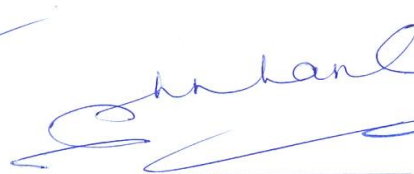
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	843,121,917,651	804,350,560,337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	843,121,917,651	804,350,560,337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	747,840,099,211	719,221,083,066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95,281,818,440	85,129,477,271
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	30,836,038,878	12,053,768,395
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,537,232,440	968,414,779
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	85,201,708,273	67,857,148,124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38,378,916,605	28,357,682,763
11. Thu nhập khác	31	VI.6	11,931,183,032	12,024,400,599
12. Chi phí khác	32	VI.7	727,433,380	8,899,853,307
13. Lợi nhuận khác	40		11,203,749,652	3,124,547,292
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	11,464,210,183	10,645,064,150
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61,046,876,440	42,127,294,205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	9,941,419,011	7,352,821,495
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	461,002,158	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>50,644,455,271</u>	<u>34,774,472,710</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(394,270,306)	(624,847,875)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		51,038,725,577	35,399,320,585
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4,381</u>	<u>3,039</u>


Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng
Tài chính Kế toánVũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		828,979,164,064	760,069,031,653
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(794,475,626,403)	(739,156,499,473)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(90,300,469,738)	(93,431,832,290)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.24	(8,294,739,293)	(7,242,891,094)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,695,435,072,202	1,460,022,515,985
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,548,434,305,984)	(1,401,034,686,119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82,909,094,848	(20,774,361,338)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12,520,883,039)	(27,743,313,428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	749,090,908	278,642,991
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33,000,000,000)	(20,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,000,000,000	18,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,072,836,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10,540,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, 15; VI.3; VII	30,322,008,319	19,116,752,961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(982,619,812)	(10,347,917,476)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

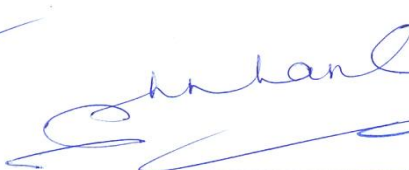
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21, 30	6,921,730,003	10,049,033,828
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(4,919,229,730)	(5,049,033,828)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27, 31	(11,656,600,000)	(11,661,882,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,654,099,727)	(6,661,882,500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		72,272,375,309	(37,784,161,314)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	143,214,734,424	180,438,636,959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		759,013,443	560,258,779
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	216,246,123,176	143,214,734,424
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2015


Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	Phòng 213 (lầu 2), số 3-5-7 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%

6. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Không có Báo cáo tài chính do đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam)	Phòng 602, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 710 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 702 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	43
- Tầng 5 tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	45
- Số 44 Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,6
- Xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	49
- Xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	42

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian từ 3 - 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng tại Khu công nghiệp Đà Nẵng, An Đông, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất là 37 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong 3 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các Công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ như sau:

- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, mức trích lập hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và sẽ trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.
- Các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh và quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển. Việc trích lập các quỹ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.085 VND/USD
31/12/2014: 21.380 VND/USD

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (mút xộp) được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.9.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.166.045.008	2.133.559.429
Tiền gửi ngân hàng	153.976.078.168	81.157.474.995
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	60.104.000.000	59.923.700.000
Cộng	<u>216.246.123.176</u>	<u>143.214.734.424</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm.

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền phải thu của các chủ tàu, đại lý vận tải và các khách hàng về dịch vụ đã cung cấp.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ (*)	1.035.952.126	2.045.115.822
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp liên quan đến xây dựng cơ bản (Vosa Quảng Ninh)	-	160.412.839
Cộng	<u>1.035.952.126</u>	<u>2.205.528.661</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ về các khoản thu chi hộ: trả tiền cảng phí, hoa tiêu, dịch vụ cung cấp nước và các dịch vụ khác.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.503.804.166	184.969.559
Cổ tức và lợi nhuận được chia	50.000.000	1.013.471.228
Tiền sử dụng đất	-	14.589.000.000
Bảo hiểm xã hội	43.308.400	18.579.376
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	7.276.522.631	2.480.145.859
Khoản phải thu khác	5.980.919.661	176.347.579
Cộng	14.854.554.858	18.462.513.601

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(8.445.290.746)	(2.901.364.794)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(142.234.023)	(83.276.032)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(292.551.610)	(836.920.989)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(635.748.987)	(136.007.943)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(7.374.756.126)	(1.845.159.830)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(8.445.290.746)	(2.901.364.794)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.901.364.794)	(949.359.670)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.543.925.952)	(1.952.005.124)
Số cuối năm	(8.445.290.746)	(2.901.364.794)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	21.264.211	94.668.283
Công cụ, dụng cụ	85.168.826	83.977.623
Chi phí bảo hiểm	39.000.000	37.500.000
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	4.604.641.581	1.048.184.149
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	173.298.988	139.422.141
Cộng	4.923.373.606	1.403.752.196

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	17.820.255	17.820.255
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa tại các Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ	226.086.443	41.490.224
Cộng	243.906.698	59.310.479

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	5.584.330.376	2.986.401.160
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	8.560.118.750	6.494.445.000
- Ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	420.000.000	420.000.000
- Ký quỹ thực hiện dịch vụ tái xuất hàng hóa qua cửa khẩu tỉnh Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh)	7.000.000.000	5.000.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng, kho bãi	1.063.118.750	857.445.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	77.000.000	217.000.000
Cộng	14.144.449.126	9.480.846.160

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.809.222.793	38.015.819	39.906.984.037	4.839.936.067	98.594.158.716
Tăng trong năm	18.928.288.379	-	6.201.721.819	137.950.909	25.267.961.107
Mua sắm mới	-	-	4.938.340.001	137.950.909	5.076.290.910
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.928.288.379	-	1.263.381.818	-	20.191.670.197
Giảm trong năm	-	-	(2.517.906.552)	(30.070.935)	(2.547.977.487)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.382.452.006)	(30.070.935)	(2.412.522.941)
Giảm khác	-	-	(135.454.546)	-	(135.454.546)
Số cuối năm	72.737.511.172	38.015.819	43.590.799.304	4.947.816.041	121.314.142.336
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.809.409.200	38.015.819	12.916.106.519	2.096.574.517	28.860.106.055
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	33.089.714.206	38.015.819	25.564.338.396	3.160.158.538	61.852.226.959
Khấu hao trong năm	3.858.810.457	-	3.549.150.707	623.141.504	8.031.102.668
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.382.452.006)	(30.070.935)	(2.412.522.941)
Số cuối năm	36.948.524.663	38.015.819	26.731.037.097	3.753.229.107	67.470.806.686
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	20.719.508.587	-	14.342.645.641	1.679.777.529	36.741.931.757
Số cuối năm	35.788.986.509	-	16.859.762.207	1.194.586.934	53.843.335.650
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình là xe ô tô có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.965.327.638 VND và 3.259.500.032 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản ký quỹ mở thư bảo lãnh cước hàng không tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.261.211.528	1.984.579.300	22.245.790.828
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	85.444.000	-	85.444.000
Số cuối năm	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	123.700.000	123.700.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	462.959.564	1.048.472.983	1.511.432.547
Khấu hao trong năm	225.127.585	625.959.775	851.087.360
Số cuối năm	688.087.149	1.674.432.758	2.362.519.907
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19.798.251.964	936.106.317	20.734.358.281
Số cuối năm	19.658.568.379	310.146.542	19.968.714.921
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	18.618.000.000	1.263.381.818	(19.881.381.818)	-	-
- Văn phòng làm việc tại lầu 5 Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	18.532.556.000	-	(18.532.556.000)	-	-
- Quyền sử dụng đất Văn phòng làm việc tại lầu 5 Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	85.444.000	-	(85.444.000)	-	-
- Xe ô tô Camry 51A-972.22	-	1.263.381.818	(1.263.381.818)	-	-
XDCB dở dang	33.720.982.321	43.743.009.115	(395.732.379)	(20.000.000)	75.784.877.239
- Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn (*)	33.663.517.860	39.692.667.647	-	-	73.356.185.507
- Chi phí xây dựng Công trình Cao ốc văn phòng Vitamas	-	288.718.229	-	-	288.718.229
- Công trình kho chứa hàng tổng hợp IC (Quảng Ninh)	-	229.307.727	-	-	229.307.727
- Công trình cải tạo sửa chữa Queen Hotel (Quảng Ninh)	-	1.910.665.776	-	-	1.910.665.776
- Các công trình khác	57.464.461	358.267.918	(395.732.379)	(20.000.000)	-
Cộng	52.338.982.321	43.743.009.115	(20.277.114.197)	(20.000.000)	75.784.877.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Số phát sinh tăng trong năm bao gồm tiền sử dụng đất mà Tập đoàn phải nộp cho khu đất 1.836 m² tại địa chỉ số 01 Bến Vân Đồn, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 13373/TB-CT-KTTĐ ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền phải nộp thêm là 38.891.899.212 VND (sau khi trừ các khoản chi phí tư vấn, thẩm định và tiền chi bồi thường, hỗ trợ về đất mà Tập đoàn đã chi trước đó). Số tiền 38.891.899.212 VND này đã bao gồm số đã nộp theo quyết định cưỡng chế năm 2013 của Chi cục thuế quận 4, TP. Hồ Chí Minh là 14.589.000.000 VND (xem thuyết minh số V.5).

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê. Chi tiết tăng, giảm như sau:

Nguyên giá

Số đầu năm 79.412.091.656

Số cuối năm 79.412.091.656

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 272.599.090

Giá trị hao mòn

Số đầu năm 19.472.026.779

Khấu hao trong năm 4.315.517.136

Số cuối năm 23.787.543.915

Giá trị còn lại

Số đầu năm 59.940.064.877

Số cuối năm 55.624.547.741

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng -

Đang chờ thanh lý -

Bất động sản đầu tư được dùng để cho bên thứ ba thuê. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	10.888.465.426	11.402.057.426
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.412.479.395	4.400.040.987
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

14. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty TNHH SYMS Việt Nam. Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam vẫn chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	49%	10.825.038.179	49%	9.694.761.881
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	10.001.774.177	40%	9.896.781.941
Cộng		20.826.812.356		19.591.543.822

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam ^(*)	9.694.761.881	7.990.276.298	(6.860.000.000)	-	10.825.038.179
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	9.896.781.941	3.473.933.885	(2.994.315.550)	(374.626.099)	10.001.774.177
Cộng	19.591.543.822	11.464.210.183	(9.854.315.550)	(374.626.099)	20.826.812.356

(*) Ngày 25 tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ 49% phần vốn góp của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) cho phía đối tác nước ngoài là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn được ký kết ngày 25 tháng 3 năm 2015, giá chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là 16.058.448.283 VND. Ngoài ra, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam vẫn sẽ được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 49%, NYK Line: 51%).

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9.420.160.000		9.420.160.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	913.390	7.400.160.000	913.390	7.400.160.000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam – CTCP	200.000	2.020.000.000	200.000	2.020.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		2.165.534.230		4.285.837.607
- Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam		1.072.836.000	-	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)		63.746.040		3.259.716.000
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen		528.952.190		526.121.607
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng		7.000.000.000		-
Cộng		18.585.694.230		13.705.997.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam: tăng do góp vốn trong năm. Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 51%. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 và Điều 16 của Hợp đồng liên doanh ngày 10 tháng 9 năm 2013 được ký kết giữa Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam.
- Công ty liên doanh Bông Sen: tăng do trong năm Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được chia lãi nhưng để lại tăng vốn đầu tư.
- Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam): giảm do chuyển nhượng vốn. Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. với số tiền là 500,000.00 USD (tương đương 10.540.000.000 VND). Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam vẫn sẽ được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam).

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(1.844.008.630)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con (Công ty TNHH SYMS Việt Nam)	(1.381.111.688)	(1.381.111.688)
Cộng	(1.381.111.688)	(3.225.120.318)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.225.120.318)	(3.725.120.318)
Hoàn nhập dự phòng	1.844.008.630	-
Xóa sổ khoản đầu tư vào Trường kinh tế kỹ thuật hàng hải	-	500.000.000
Số cuối năm	(1.381.111.688)	(3.225.120.318)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa	230.757.614	450.551.515	(158.664.677)	522.644.452
Công cụ, dụng cụ	167.338.591	1.847.000.694	(185.319.569)	1.829.019.716
Tiền thuê đất trả trước	1.771.456.578	-	(60.049.380)	1.711.407.198
Chi phí trả trước dài hạn khác	79.538.395	269.270.000	(88.927.564)	259.880.831
Cộng	2.249.091.178	2.566.822.209	(492.961.190)	4.322.952.197

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	461.002.158	461.002.158
Số hoàn nhập	(461.002.158)	-
Số cuối năm	-	461.002.158

20. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê văn phòng	384.122.270	530.831.144
Ký quỹ thực hiện dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	39.000.000	39.000.000
Cộng	673.122.270	819.831.144

21. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.921.730.003	5.049.033.828
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.919.229.730)	(5.049.033.828)
Cần trừ với tiền lương phải trả	(2.500.273)	-
Số cuối năm	-	-

22. Phải trả người bán

Số tiền còn phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ nâng hạ container, thuê kho, các dịch vụ thu chi hộ, ...).

23. Người mua trả tiền trước

Số tiền khách hàng trả trước về dịch vụ Tập đoàn sẽ cung cấp.

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	404.188.126	11.595.767.168	(11.474.577.393)	-	525.377.901
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.891.224.834	9.941.419.011	(8.294.739.293)	-	3.537.904.552
Tiền thuê đất	433.364.000	4.439.867.163	(4.873.231.163)	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	75.773.936	(75.773.936)	-	-
Tiền sử dụng đất	-	24.302.899.212	(1.391.429.825)	-	22.911.469.387
Thuế thu nhập cá nhân (*)	749.163.306	2.133.068.461	(2.065.698.393)	(393.960.772)	422.572.602
Các loại thuế khác	7.315.441.708	37.792.602.904	(33.684.103.086)	-	11.423.941.526
Cộng	10.793.381.974	90.281.397.855	(61.859.553.089)	(393.960.772)	38.821.265.968

(*) Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|--|-----|
| – Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, Khu chế xuất | 0% |
| – Hoạt động vận tải thủy bộ, đại lý tàu, container, kho bãi, ... | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế (năm trước thuế suất là 25%).

Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế do tổng doanh thu năm trước của Công ty này là dưới 20 tỷ VND (năm trước thuế suất là 25%) theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	9.941.419.011	7.352.821.495
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	<u>9.941.419.011</u>	<u>7.352.821.495</u>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích 63.528,7 m² đất do Đại lý Hàng hải Quảng Ninh sử dụng.
- Diện tích 2.549,66 m² đất do Đại lý Hàng hải Hải Phòng sử dụng.
- Diện tích 30.524,50 m² đất do Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc (North Freight) sử dụng.
- Diện tích 11.324,1 m² đất do Đại lý Hàng hải Quy Nhơn sử dụng.
- Diện tích 730 m² đất do Dịch vụ hàng hải Phương Đông (Orimas) sử dụng.
- Diện tích 10.000 m² đất tại đường Đào Trí, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Thuế cước, thuế nhà thầu

Các khoản thuế nộp hộ cho các chủ tàu nước ngoài thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cảng biển Việt Nam ra nước ngoài, thuế lưu container.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn thực hiện việc kê khai và tính nộp theo qui định hiện hành.

25. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ tiền lương chưa chi hết cho người lao động	27.926.058.062	17.985.774.522
Quỹ tiền lương dự phòng	17.425.000.000	16.000.000.000
Cộng	<u>45.351.058.062</u>	<u>33.985.774.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đại lý vận tải	8.557.743.497	3.401.667.410
Giá trị công trình XDCB chưa quyết toán khối lượng hoàn thành	1.357.671.536	4.111.566.601
Chi phí khác	1.313.054.511	1.396.061.483
Cộng	11.228.469.544	8.909.295.494

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	68.195.659	58.240.420
Kinh phí công đoàn	1.170.553.923	1.211.428.742
Cổ tức phải trả	207.924.825	214.524.825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.335.632.029	116.900.000
Các khoản phải trả khác	82.991.400.972	93.200.640.796
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu (*)</i>	<i>55.464.118.009</i>	<i>73.373.664.409</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>21.199.467.400</i>	<i>10.891.300.989</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>5.637.645.752</i>	<i>5.637.645.752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>690.169.811</i>	<i>3.298.029.646</i>
Cộng	89.773.707.408	94.801.734.783

(*) Trong đó, khoản nợ phải trả Manuchar Hong Kong Limited với số tiền là 8.342.091.909 VND.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.196.865.132	10.094.188.092
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	4.162.285.919	4.898.475.925
Tăng khác	20.000.000	18.500.000
Chi quỹ trong năm	(5.699.760.039)	(5.814.298.885)
Số cuối năm	7.679.391.012	9.196.865.132

29. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng Ocean Park của Europac Shipping	52.831.662	52.831.662
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	560.000.000	560.000.000
Các khoản khác	45.938.488	2.822.291.090
Cộng	658.770.150	3.435.122.752

30. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ⁽ⁱ⁾	6.811.200.000	3.078.906.000
Vay cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh ⁽ⁱⁱ⁾	7.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	13.811.200.000	8.078.906.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay dài hạn 1.980.000 RMP # 3.078.906.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kông) theo Hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.
- (ii) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 02/ĐLHH-ĐQH ngày 01 tháng 4 năm 2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 01 tháng 4 năm 2019 và không tính lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	7.000.000.000	5.000.000.000
Trên 5 năm	6.811.200.000	3.078.906.000
Tổng nợ	13.811.200.000	8.078.906.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.078.906.000	3.078.906.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.000.000.000	5.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.732.294.000	-
Số cuối năm	13.811.200.000	8.078.906.000

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả năm nay là 11.656.600.000 VND (năm trước là 11.661.882.500 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.427.065.929	3.051.913.804
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(394.270.306)	(624.847.875)
Tăng do góp vốn bổ sung trong năm	44.600.000.000	-
Các khoản khác	39.200	-
Số cuối năm	46.632.834.823	2.427.065.929

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	843.121.917.651	804.350.560.337
- <i>Doanh thu đại lý tàu</i>	<i>119.384.272.938</i>	<i>94.373.675.456</i>
- <i>Doanh thu đại lý vận tải</i>	<i>518.267.329.895</i>	<i>552.588.607.217</i>
- <i>Doanh thu kiểm kiện</i>	<i>19.499.165.480</i>	<i>17.892.808.052</i>
- <i>Doanh thu kho ngoại quan</i>	<i>104.352.760.208</i>	<i>64.584.379.229</i>
- <i>Doanh thu sản xuất kinh doanh mút xốp</i>	<i>4.867.616.231</i>	<i>10.127.176.475</i>
- <i>Doanh thu cho thuê phương tiện</i>	<i>54.183.830.382</i>	<i>37.832.776.103</i>
- <i>Doanh thu cho thuê nhà kho</i>	<i>13.776.169.787</i>	<i>12.092.627.293</i>
- <i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	<i>8.790.772.730</i>	<i>15.531.933.281</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	843.121.917.651	804.350.560.337

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	78.715.054.321	69.031.562.777
Chi phí vật liệu bao bì	7.902.156.082	12.877.522.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.032.688.534	9.915.387.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.656.038.111	604.086.375.834
Chi phí khác	25.534.162.163	23.310.235.086
Cộng	747.840.099.211	719.221.083.066

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.389.958.396	5.053.184.606
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	432.342.553	652.045.263
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.435.928.335	3.979.680.416
Lãi chuyển nhượng vốn	6.324.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.253.809.594	2.123.279.996
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	245.578.114
Cộng	30.836.038.878	12.053.768.395

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.814.187.266	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	558.385.844	968.414.779

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.844.008.630)	-
Chi phí tài chính khác	8.667.960	-
Cộng	2.537.232.440	968.414.779
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	47.562.666.591	42.870.432.622
Chi phí nguyên vật liệu	3.177.105.507	934.487.772
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.889.210.843	1.733.384.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.165.018.630	2.337.401.350
Thuế, phí, lệ phí	5.032.006.890	2.629.209.892
Chi phí dự phòng	5.543.925.952	1.952.005.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.251.732.398	12.414.611.566
Chi phí khác	2.580.041.462	2.985.614.959
Cộng	85.201.708.273	67.857.148.124
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	749.090.908	278.642.991
Các khoản nợ không xác định được chủ	10.950.156.217	7.853.318.772
Các khoản thu nhập khác	231.935.907	3.892.438.836
Cộng	11.931.183.032	12.024.400.599
7. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ không xác định được đối tượng	-	8.562.562.717
Thuế bị phạt, bị truy thu	374.410.102	99.557.104
Các khoản chi phí khác	353.023.278	237.756.990
Cộng	727.433.380	8.899.853.307
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	7.990.276.298	6.902.169.712
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	3.473.933.885	3.742.894.438
Cộng	11.464.210.183	10.645.064.150
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	51.038.725.577	35.399.320.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	51.038.725.577	35.399.320.585
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	11.650.000	11.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
trong năm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.381	3.039

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.079.261.589	13.812.009.947
Chi phí nhân công	126.277.720.912	111.901.995.399
Chi phí công cụ dụng cụ	2.065.439.760	1.764.782.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.197.707.164	12.063.177.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.907.770.509	616.500.987.400
Chi phí khác	38.513.907.550	31.035.279.382
Cộng	833.041.807.484	787.078.231.190

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm trước, Tập đoàn lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp. Năm nay, Tập đoàn chuyển sang lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp. Số liệu năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm nay.

2. Các giao dịch không bằng tiền

Tập đoàn chưa nhận được lợi nhuận năm 2013 được chia với số tiền là 25.000.000 VND từ Công ty cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam. Ngoài ra, trong năm Tập đoàn cũng đã ghi tăng giá trị đầu tư vào Công ty liên doanh Bông Sen từ nguồn lợi nhuận được chia năm 2013 với số tiền là 2.830.583 VND (xem thuyết minh số V.16).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas) đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar NV (trụ sở tại Vương quốc Bỉ) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Hợp đồng nhà phân phối này đã chấm dứt năm 2008.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited (viết tắt là Manuchar) đã khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến 33 hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 127.531.888.999 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD). Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày rằng Chi nhánh chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong Limited theo hợp đồng nhà phân phối. Chi nhánh đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên và Chi nhánh chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 306.341.192 VND (quy đổi theo tỷ giá 21.380 VND/USD), đây là số tiền hàng thiếu hụt trong quá trình giao nhận của 33 hợp đồng mà bên Chi nhánh phải đền bù. Do Công ty cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đại lý Hàng hải Việt Nam và Manuchar không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên hiện nay vụ kiện vẫn đang tiếp tục tại Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam tiếp tục gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 89.433.958.452 VND (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 66.991.729.178 VND và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2008 đến ngày 01 tháng 10 năm 2011 là 22.442.229.274 VND). Vụ kiện này được Tòa án nhân dân quận 1, TP. Hồ Chí Minh thụ lý theo số hồ sơ thụ lý số 1279/2011/KTST ngày 29 tháng 12 năm 2011 và tạm đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 03/2012/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2012 do chờ kết quả giải quyết của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Tập đoàn không trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tiềm tàng này vì Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tin rằng Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas) đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn và sẽ không phải trả các khoản tiền theo yêu cầu của các nguyên đơn trong các vụ kiện này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.900.885.891	4.124.405.339
Phụ cấp	1.472.044.597	989.335.884
Tiền thưởng	565.320.618	1.032.726.355
Cộng	6.938.251.106	6.146.467.578

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty vận tải biển Container Vinalines – Chi nhánh Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV cảng Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV cảng Cam Ranh	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV cảng Cần Thơ	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV dịch vụ hàng hải Vinalines	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Nha Trang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Khuyến Lương	Công ty con của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần hàng hải Đông Đô	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam (Falcon)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần vận tải Biển Bắc (Nosco)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần cảng Đoạn Xá	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế (Inlaco Saigon)	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân (CaiLan Port)	Công ty con của Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	5.947.800.000	5.941.500.000
Chi phí thuê văn phòng phải trả	921.600.000	917.781.818
Chi phí dịch vụ	664.470	-
Tiền điện phải trả	13.555.185	-
<i>Công ty TNHH NYK Line Việt Nam</i>		
Nhận lợi nhuận liên doanh	6.860.000.000	5.880.000.000
Phí dịch vụ phải trả	67.649.081	-
Cước vận chuyển	963.561.644	-
Thu chi hộ	4.891.668.536	-
<i>Công ty TNHH China Shipping Việt Nam</i>		
Nhận lợi nhuận được chia	2.994.315.550	3.025.297.657
Cước vận chuyển	301.050.661	-
Thu chi hộ	236.013.630	-
Phí lưu cont	71.436.249	-
<i>Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam</i>		
Nhận lợi nhuận liên doanh	25.000.000	25.000.000
Cung cấp dịch vụ	246.159.311	67.083.567
Cước vận chuyển	26.181.818	-
Thu chi hộ	498.229.757	-
<i>Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.340.910	-
Thu chi hộ	17.044.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng</i>		
Tiền cảng phí	49.220.118	-
<i>Công ty cổ phần cảng Hải Phòng</i>		
Tiền cảng phí	12.040.223.169	-
<i>Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh</i>		
Tiền cảng phí phải trả	18.103.998.521	2.364.265.408
Thu chi hộ	46.266.665.166	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cước vận chuyển	22.950.819.494	-
Thuê kho bãi	5.788.877.052	-
<i>Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang</i>		
Cung cấp dịch vụ	229.754.661	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân</i>		
Tiền cảng phí phải trả	392.200.000	-
<i>Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông</i>		
Cung cấp dịch vụ	90.900.001	-
<i>Công ty cổ phần vận tải Biển Bắc</i>		
Cung cấp dịch vụ	390.000	-
<i>Công ty cổ phần hàng hải Đông Đô</i>		
Cung cấp dịch vụ	390.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Khuyến Lương</i>		
Tiền cảng phí phải trả	317.303.995	-
<i>Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (Vosco)</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.651.243.918	329.408.181
Thu chi hộ	355.519.322	-
<i>Công ty cổ phần cảng Đoạn Xá</i>		
Tiền cảng phí phải trả	47.901.000	216.573.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nha Trang</i>		
Tiền cảng phí phải trả	4.582.017.656	-
<i>Công ty TNHH MTV cảng Cam Ranh</i>		
Tiền cảng phí phải trả	3.290.754.540	-
<i>Công ty TNHH MTV cảng Nghệ Tĩnh</i>		
Tiền cảng phí phải trả	397.053.110	-
Thu chi hộ	1.576.711.973	-
<i>Công ty TNHH MTV cảng Sài Gòn</i>		
Tiền cảng phí phải trả	2.149.081.797	-
Nhận cung cấp dịch vụ	26.481.430	-
<i>Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam</i>		
Dịch vụ cung cấp	-	94.320.649
<i>Công ty cổ phần vận tải biển và hợp tác lao động Quốc tế</i>		
Dịch vụ cung cấp	-	85.191.162
<i>Công ty cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam</i>		
Dịch vụ cung cấp	-	6.582.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH MTV vận tải Biển Đông</i>		
Phải thu hoạt động đại lý vận tải	32.191.000	-
<i>Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (Vosco)</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	49.445.500	59.871.500
<i>Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang</i>		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125.410.683	-
<i>Công ty cổ phần vận tải Biển Bắc</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	62.182.992	58.980.608
<i>Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh</i>		
Phải thu các khoản thu chi hộ	11.281.685.365	663.174.721
<i>Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	72.600.000	14.355.000
Lợi nhuận được chia phải thu	50.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	290.810.380	-
<i>Công ty vận tải biển Container Vinalines – Chi nhánh Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	-	284.353.616
<i>Công ty cổ phần cảng Đoạn Xá</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	-	45.098.900
<i>Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	-	278.169.977
<i>Công ty cổ phần cảng Hải Phòng</i>		
Phí cung cấp dịch vụ	-	144.323.254
Cộng nợ phải thu	11.964.325.920	1.573.327.576
<i>Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>		
Chi phí dịch vụ	664.470	-
<i>Công ty TNHH NYK Line Việt Nam</i>		
Các khoản thu hộ phải trả	57.101.335	-
<i>Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam</i>		
Phải trả hoạt động đại lý vận tải	45.638.739	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng</i>		
Tiền cảng phí phải trả	9.610.233	-
<i>Công ty cổ phần cảng Hải Phòng</i>		
Tiền cảng phí phải trả	4.009.681.458	1.893.850.694
<i>Công ty cổ phần cảng Quảng Ninh</i>		
Cước vận chuyển, cảng phí	12.770.889.591	6.411.676.933
<i>Công ty cổ phần cảng Khuyến Lương</i>		
Phải trả hoạt động đại lý vận tải	149.675.036	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nha Trang</i>		
Tiền cảng phí phải trả	572.836.906	-
<i>Công ty TNHH MTV cảng Nghệ Tĩnh</i>		
Tiền cảng phí phải trả	80.005.324	-
<i>Công ty TNHH MTV cảng Sài Gòn</i>		
Tiền cảng phí phải trả	251.173.190	524.778.361
<i>Công ty TNHH MTV cảng Cần Thơ</i>		
Tiền cảng phí phải trả	-	153.303.287
Cộng nợ phải trả	<u>17.947.276.282</u>	<u>8.983.609.275</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh đại lý hàng hải.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng để thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.516.864.610	4.520.864.610
Trên 1 năm đến 5 năm	14.271.183.440	15.373.811.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trên 5 năm	40.087.097.510	43.501.334.120
Cộng	58.875.145.560	63.396.010.170

Tập đoàn thuê một số văn phòng, kho bãi và nhà xưởng và thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 năm đến 05 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Riêng hợp đồng thuê đất tại Quảng Ninh có hiệu lực đến ngày 08 tháng 4 năm 2054.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.477.565.729	10.893.432.126
Trên 1 năm đến 5 năm	124.454.545	3.585.656.638
Cộng	3.602.020.274	14.479.088.764

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu chuyển tiền trước vào tài khoản ký ngân đối với các hãng tàu nước ngoài. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.246.123.176	-	-	216.246.123.176
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.000.000.000	-	-	32.000.000.000
Phải thu khách hàng	116.142.038.375	-	3.826.910.905	119.968.949.280
Các khoản phải thu khác	18.458.591.843	-	5.575.895.635	24.034.487.478
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.585.694.230	-	-	11.585.694.230
Cộng	394.432.447.624	-	9.402.806.540	403.835.254.164
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.214.734.424	-	-	143.214.734.424
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	94.073.936.692	-	3.934.615.241	98.008.551.933
Các khoản phải thu khác	25.748.210.369	-	-	25.748.210.369
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.305.837.607	7.400.160.000	-	13.705.997.607
Cộng	272.342.719.092	7.400.160.000	3.934.615.241	283.677.494.333

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	7.000.000.000	6.811.200.000	13.811.200.000
Phải trả người bán	104.457.790.709	-	-	104.457.790.709
Các khoản phải trả khác	99.763.427.370	658.770.150	-	100.422.197.520
Cộng	204.221.218.079	7.658.770.150	6.811.200.000	218.691.188.229
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	5.000.000.000	3.078.906.000	8.078.906.000
Phải trả người bán	73.383.377.976	-	-	73.383.377.976
Các khoản phải trả khác	102.444.351.822	3.435.122.752	-	105.879.474.574
Cộng	175.827.729.798	8.435.122.752	3.078.906.000	187.341.758.550

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp dịch vụ về đại lý tàu biển với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ USD và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	CNY	USD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.295.728,72	-	3.083.656,92	-
Phải thu khách hàng	738.464,32	-	936.719,16	-
Vay và nợ	-	(1.980.000,00)	-	(1.980.000,00)
Phải trả người bán	(1.187.445,15)	-	(1.692.910,45)	-
Các khoản phải trả khác	(2.443.153,18)	-	(2.156.024,25)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	403.594,71	(1.980.000,00)	171.441,38	(1.980.000,00)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD, VND và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.246.123.176	-	143.214.734.424	-	216.246.123.176	143.214.734.424
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.000.000.000	-	3.000.000.000	-	32.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	119.968.949.280	(2.869.395.111)	98.008.551.933	(2.901.364.794)	117.099.554.169	95.107.187.139
Các khoản phải thu khác	24.034.487.478	(5.575.895.635)	25.748.210.369	-	18.458.591.843	25.748.210.369
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.585.694.230	-	13.705.997.607	(1.844.008.630)	11.585.694.230	11.861.988.977
Cộng	403.835.254.164	(8.445.290.746)	283.677.494.333	(4.745.373.424)	395.389.963.418	278.932.120.909

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	13.811.200.000	8.078.906.000	13.811.200.000	8.078.906.000
Phải trả người bán	104.457.790.709	73.383.377.976	104.457.790.709	73.383.377.976
Các khoản phải trả khác	100.422.197.520	105.879.474.574	100.422.197.520	105.879.474.574
Cộng	218.691.188.229	187.341.758.550	218.691.188.229	187.341.758.550

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khác và các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2015

		
Võ Trung Thắng Người lập biểu	Phan Văn Khánh Trưởng phòng Tài chính Kế toán	 Vũ Xuân Trung Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	31,539,986,745	8,404,017,511	8,384,352,423	51,649,953,263	216,478,309,942
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	35,399,320,585	35,399,320,585
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	5,748,911,374	1,916,303,791	2,299,564,549	(14,863,255,637)	(4,898,475,923)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(11,650,000,000)	(11,650,000,000)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	(265,500,000)	-	(265,500,000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(336,144,183)	(336,144,183)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	37,288,898,119	10,320,321,302	10,418,416,972	60,199,874,028	234,727,510,421
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	37,288,898,119	10,320,321,302	10,418,416,972	60,199,874,028	234,727,510,421
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	51,038,725,577	51,038,725,577
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	7,030,748,494	1,757,687,124	2,054,584,714	(15,005,306,251)	(4,162,285,919)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(11,650,000,000)	(11,650,000,000)
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	(161,540,000)	-	(161,540,000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(374,585,299)	(374,585,299)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	44,319,646,613	12,078,008,426	12,311,461,686	84,208,708,055	269,417,824,780

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh đại lý hàng hải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	842,892,826,743	229,090,908	-	843,121,917,651
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	842,892,826,743	229,090,908	-	843,121,917,651
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10,941,369,021	(861,258,854)	-	10,080,110,167
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10,080,110,167
Doanh thu hoạt động tài chính				30,836,038,878
Chi phí tài chính				(2,537,232,440)
Thu nhập khác				11,931,183,032
Chi phí khác				(727,433,380)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	11,464,210,183	-	-	11,464,210,183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9,941,419,011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(461,002,158)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				50,644,455,271
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	50,585,353,799	800,768,435	-	51,386,122,234
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13,579,276,510	111,391,844	-	13,690,668,354
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(31,969,683)	-	-	(31,969,683)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh đại lý hàng hải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	804,121,469,429	229,090,908	-	804,350,560,337
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	804,121,469,429	229,090,908	-	804,350,560,337
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18,686,187,922	(1,413,858,775)	-	17,272,329,147
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				17,272,329,147
Doanh thu hoạt động tài chính				12,053,768,395
Chi phí tài chính				(968,414,779)
Thu nhập khác				12,024,400,599
Chi phí khác				(8,899,853,307)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	10,645,064,150	-	-	10,645,064,150
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7,352,821,495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				34,774,472,710
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	28,336,273,844	-	-	28,336,273,844
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12,164,132,844	91,146,000	-	12,255,278,844
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1,952,005,124	-	-	1,952,005,124

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài s. n và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh đại lý hàng hải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tr. c tiếp của bộ phận	599,543,722,891	48,331,784,823	-	647,875,507,714
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng tài sản				647,875,507,714
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	331,242,522,111	582,326,000	-	331,824,848,111
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				331,824,848,111
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	481,791,965,618	4,526,838,101	-	486,318,803,719
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng tài sản				486,318,803,719
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	248,591,401,369	572,826,000	-	249,164,227,369
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				249,164,227,369


Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



The red circular stamp contains the following text: "M.S.D.N: 0300437898", "CÔNG TY CỔ PHẦN", "ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM", and "QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH".

Vũ Xuân Trung